

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN YÊN LẠC  
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Số: 23/2020/HNGĐ - ST  
Ngày 29 tháng 9 năm 2020  
“V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Bích Hạnh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Dương Quang Lương và ông Hoàng Văn Khảm.

*Thư ký phiên tòa:* Ông Vũ Văn Tiệp là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:* Bà Vũ Thị Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2020/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2020, về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983; Nơi ĐKKHKT: Thôn M, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Hiện đang cư trú tại thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt).

*Bị đơn:* Anh Nguyễn Đức M, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn M, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 5 năm 2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn, chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Đức M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện vào ngày 25/02/2012 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau ngày cưới chị về làm dâu nhà anh M và sinh sống cùng gia đình anh M được khoảng 15 ngày thì vợ chồng chuyển vào tỉnh Đồng Nai làm ăn, sinh sống. Tại đây, chị và anh M sống chung với nhau được 02 năm thì chuyển đến thành phố T sinh sống. Quá trình chung sống, do hai vợ chồng không có con chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã, thiếu sự chia sẻ với nhau, cuộc sống

chung không có hạnh phúc. Từ năm 2014 đến nay, chị và anh M sống ly thân với nhau. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, chị có nói chuyện với anh M để vợ chồng hàn gắn lại tình cảm nhưng không có kết quả. Nay chị xác định, tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

Bị đơn là anh Nguyễn Đức M, trong quá trình giải quyết đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Tòa án không thể lấy được lời khai của anh M.

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, lấy lời khai của ông Nguyễn Văn B là bố đẻ của anh M. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 03/8/2020 ông B trình bày. Ông có nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác.... của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc gửi cho anh M là con trai ông. Sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, ông đã thông báo lại nội dung của từng văn bản mà ông nhận được của Tòa án cho anh M biết nhưng do anh M bận công việc nên không về Tòa án để làm việc theo yêu cầu của Tòa án được.

Ông B xác nhận, về thời gian đăng ký kết hôn, quá trình chung sống giữa chị H và anh M như lời khai chị H đã trình bày ở trên là đúng. Do chị H, anh M không sinh sống cùng với ông nên giữa chị H và anh M xảy ra mâu thuẫn như thế nào thì ông không nắm được. Ông có hỏi ý kiến của anh M về việc chị H xin ly hôn thì anh M chưa thể hiện quan điểm gì cho ông biết nhưng ông anh M có nói với ông là anh M sẽ về Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc để tham gia tố tụng tuy nhiên, khi ông B hỏi địa chỉ cụ thể của anh M ở đâu thì anh M không cung cấp cho ông B nên ông không biết hiện nay anh M đang làm việc ở đâu.

Về con chung: Chị H và ông B đều xác định, chị H và anh M chưa có con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, đất ở; đất canh tác; công nợ và công sức: Chị H xác định, vợ chồng không có gì nên ly hôn chị không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán; Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã làm đầy đủ và tuân theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Mặc dù bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật nhưng Tòa án đã triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, do vậy đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 51; 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H, cho chị H được ly hôn với anh Nguyễn Đức M.

Về tài sản chung, tài sản riêng, đất canh tác; công nợ và công sức: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Chị H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn, yêu cầu xin ly hôn đối với anh Nguyễn Đức M là bị đơn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc xác định đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình. Anh M hiện đang có hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc nên căn cứ vào điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc đã thụ lý và giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự tố tụng dân sự.

- Anh Nguyễn Đức M là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh M theo thủ tục chung.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị H xác định, tình cảm vợ chồng giữa chị và anh M không còn và không thể hàn gắn lại được với nhau nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M. Căn cứ vào lời trình bày của chị H trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, lời khai của ông B (là bố anh M); căn cứ vào kết quả xác minh thu thập chứng cứ của Tòa án tại Ủy ban nhân dân xã T. Hội đồng xét xử nhận thấy, chị H với anh M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T nên cần xác định đây là cuộc hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, theo lời trình bày của chị H thì giữa chị H và anh M thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do, trong cuộc sống hàng ngày giữa chị H và anh M không hiểu nhau, thiếu sự chia sẻ dẫn đến sống chung không hạnh phúc. Anh Nguyễn Đức

M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai của anh M trình bày về mâu thuẫn vợ chồng, quan điểm về việc chị H xin ly hôn. Tòa án tiến hành lấy lời khai của ông B là bố anh M và xác minh tại chính quyền địa phương nhưng cũng không xác định được giữa anh M, chị H xảy ra mâu thuẫn như thế nào. Song xét thấy, anh M biết rõ việc chị H xin ly hôn với mình nhưng không về Tòa án để trình bày quan điểm cũng như không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm với chị H. Mặt khác, anh M, chị H đã sống ly thân với nhau từ năm 2014 cho tới nay. Chứng tỏ, tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh M mâu thuẫn đã đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xác định yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ nên cần chấp nhận và cho chị H được ly hôn với anh M.

Về con chung: Chị H xác định, chị và anh M không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, đất ở, đất canh tác; công nợ và công sức: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh M không có mặt ở nhà nên Tòa án không lấy được lời khai của anh M để biết được nguyện vọng của anh M. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chị H phải chịu toàn bộ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì vậy quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 51; 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Đức M.

2/ Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số:

0005673 ngày 07 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc. Xác nhận, chị H đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THA.DS huyện Yên Lạc;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã T;
- Lưu HS, VT;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Bích Hạnh**

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Bích Hạnh**



**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THA.DS huyện Yên Lạc;
- Các đương sự;
- UBND xã Hồng Châu;
- Lưu HS, VT;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Bích Hạnh**

